

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – ĐỀ 8**MÔN: TIẾNG ANH 4 GLOBAL SUCCESS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. Listen and choose True or False.**

1. He was at the beach with their grandparents last week.
2. He and their grandparents cycled in the countryside.
3. He found the campsite boring and uneventful.
4. His father took them to an amusement park.
5. He thinks cycling is good for health.

II. Choose the best answer.

1. Odd one out.
A. campsite
B. birthday
C. beach
2. What's your _____ subject?
A. like
B. good
C. favourite
3. Where _____ he last Thursday?
A. was
B. is
C. were
4. Can you ride a bike? – No, I _____.
A. can't
B. can
C. do
5. Is your sports day _____ March?
A. in
B. at
C. on

III. Read and complete the sentences with ONLY ONE WORD/NUMBER.

Hi, I'm Stella. I'm ten years old. My birthday is in February. At my birthday party, I want some cakes and some lemonade. This is my friend Hung. He's ten years old, too. His birthday is in January. At his birthday party, he wants some chicken, some rice and some juice. This is my friend Poon. She's nine years old. At her birthday party, she wants some chicken, some chips, some cakes and some lemonade!

1. Stella's birthday is _____.
2. At Stella's birthday party, she wants some cakes and some _____.
3. Stella and Hung are _____ years old.
4. At Hung's birthday party, he wants some rice, some juice, and some _____.
5. Poon is _____ years old.

IV. Make correct sentences, using the clues given.

1. he / Bangkok / last summer / ?

2. How many / building / be / there / your school / ?

3. What / you / want / eat / at / the birthday party / ?

4. What / day / today / ?

5. Where / she / from / ?

-----THE END-----

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Listen and choose True or False.

Bài nghe:

We all love summer holidays, right? Last week, I was in the countryside with my grandparents. We were on our bikes. Cycling is good for us. It was so exciting at the campsite there - fire, barbecue, you know. Then my father took us to the amusement park. What a day!

Tạm dịch:

Ai mà chẳng thích kỳ nghỉ hè, đúng không? Tuần trước, tớ đã ở quê với ông bà. Tớ cùng ông bà đã đạp xe. Đạp xe rất tốt cho sức khỏe. Ở khu cắm trại thật tuyệt - lửa trại, tiệc nướng, bạn biết đấy. Sau đó, bố tớ đưa cả nhà đến công viên giải trí. Thật là một ngày đáng nhớ!

Phương pháp giải:

- Đọc câu đề bài và gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe và chú ý vào những thông tin chứa từ đã gạch chân.
- So sánh thông tin nghe được với nội dung câu hỏi để chọn đáp án đúng.

Lời giải chi tiết:

1.

He was at the beach with their grandparents last week.

(Tuần trước anh ấy đã ở bãi biển với ông bà.)

Thông tin: Last week, I was in the countryside with my grandparents.

(Tuần trước, tớ đã ở quê với ông bà.)

=> Họ đã ở vùng quê, không phải bãi biển.

Đáp án: False

2.

He and their grandparents cycled in the countryside.

(Anh ấy đã cùng ông bà đạp xe ở vùng quê.)

Thông tin: We were on our bikes.

(Tớ cùng ông bà đã đạp xe.)

Đáp án: True

3.

He found the campsite boring and uneventful.

(Anh ấy thấy khu cắm trại nhàm chán và kém nhộn nhịp.)

Thông tin: It was so exciting at the campsite there - fire, barbecue, you know.

(Ở khu cắm trại thật tuyệt - lửa trại, tiệc nướng.)

=> Anh ấy thấy khu cắm trại rất thú vị và đa dạng những hoạt động, không hề thấy nó nhàm chán.

Đáp án: False

4.

His father took them to an amusement park.

(Bố anh ấy đã đưa họ đến công viên giải trí.)

Thông tin: Then my father took us to the amusement park.

(Sau đó, bố tôi đưa cả nhà đến công viên giải trí.)

Đáp án: True

5.

He thinks cycling is good for health.

(Anh ấy cho rằng đạp xe tốt cho sức khỏe.)

Thông tin: Cycling is good for us.

(Đạp xe rất tốt cho sức khỏe.)

Đáp án: True

II. Choose the best answer.

1.

Phương pháp giải:

- Đây là dạng bài từ vựng.
- Học sinh dịch nghĩa đề bài, dịch từ vựng ở các phương án và chọn đáp án đúng nhất.

Lời giải chi tiết:

A. campsite (n): khu cắm trại

B. birthday (n): ngày sinh nhật

C. beach (n): bãi biển

=> Chọn B vì đây là danh từ chỉ thời điểm, những phương án còn lại đều là những danh từ chỉ địa điểm.

Đáp án: B

2.

Phương pháp giải:

- Đây là dạng bài từ vựng.
- Học sinh dịch nghĩa đề bài, dịch từ vựng ở các phương án và chọn đáp án đúng nhất.

Lời giải chi tiết:

A. like (v): yêu thích

B. good (adj): tốt, giỏi

C. favourite (adj): yêu thích

Tạm dịch: Môn học yêu thích của bạn là gì?

Đáp án: C

3.

Phương pháp giải:

Nhìn nhận câu và vị trí của chỗ trống, nhận định về thì, loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi,...). Áp dụng công thức của từng loại câu để xác định cần điền gì vào chỗ trống, sao cho đúng ngữ pháp và hợp lý về mặt ngữ nghĩa.

Lời giải chi tiết:

- Đây là một câu hỏi (có dấu ? cuối câu).

- “Last weekend” là một dấu hiệu của thì quá khứ đơn. Có từ để hỏi “Where” nên đây là một câu hỏi Wh ở thì quá khứ đơn với động từ to be có cấu trúc như sau:

Wh + was + chủ ngữ số ít + trạng từ?

Where **was** he last Thursday?

(Thứ Năm tuần trước anh ấy đã ở đâu vậy?)

Đáp án: A

4.

Phương pháp giải:

Nhìn nhận câu và vị trí của chỗ trống, nhận định về thì, loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi,...). Áp dụng công thức của từng loại câu để xác định cần điền gì vào chỗ trống, sao cho đúng ngữ pháp và hợp lý về mặt ngữ nghĩa.

Lời giải chi tiết:

Đây là một câu trả lời ngắn dạng phủ định (có “No”) cho câu hỏi Yes/No với “can”, ta có cấu trúc: No, + chủ ngữ + can’t.

Can you ride a bike? – No, I **can’t**.

(Bạn có thể đi xe đạp không? – Không, tớ không thể.)

Đáp án: A

5.

Phương pháp giải:

- Đây là câu hỏi về giới từ chỉ thời gian.
- Xác định xem mốc thời gian đi kèm với giới từ đó là gì để đưa ra lựa chọn đúng.

Lời giải chi tiết:

A. in – dùng cho tháng, năm => chọn

B. at – thường dùng cho giờ giấc => loại

C. on – thường dùng cho thứ, ngày => loại

Is your sports day **in** March?

(Ngày hội thể thao của bạn diễn ra vào tháng 3 phải không?)

Đáp án: A

III. Read and complete the sentences with ONLY ONE WORD/NUMBER.

Hi, I'm Stella. I'm ten years old. My birthday is in February. At my birthday party, I want some cakes and some lemonade. This is my friend Hung. He's ten years old, too. His birthday is in January. At his birthday party, he wants some chicken, some rice and some juice. This is my friend Poon. She's nine years old. At her birthday party, she wants some chicken, some chips, some cakes and some lemonade!

Tạm dịch:

Chào, tớ là Stella. Tớ 10 tuổi. Sinh nhật của tớ vào tháng Hai. Trong bữa tiệc sinh nhật, tớ muốn có bánh ngọt và nước chanh. Đây là bạn tớ, Hùng. Cậu ấy cũng 10 tuổi. Sinh nhật của cậu ấy vào tháng Một. Trong bữa tiệc sinh nhật, cậu ấy muốn có gà, cơm và nước trái cây. Đây là bạn tớ, Poon. Cô ấy 9 tuổi. Trong bữa tiệc sinh nhật, cô ấy muốn có gà, khoai tây chiên, bánh ngọt và nước chanh!

Phương pháp giải:

- Đọc câu đề bài cho, dự đoán những từ loại có thể điền vào chỗ trống.
- Đọc bài đọc và xác định vị trí của các thông tin liên quan đến các câu trên.
- Lọc ra một từ duy nhất để điền vào chỗ trống để phù hợp về cả nghĩa và ngữ pháp.

1.

Lời giải chi tiết:

Stella's birthday is _____.

(Sinh nhật của Stella là vào _____.)

Thông tin: Hi, I'm Stella. I'm ten years old. My birthday is in February.

(Chào, tớ là Stella. Tớ 10 tuổi. Sinh nhật của tớ vào tháng Hai.)

Đáp án: February

2.

Lời giải chi tiết:

At Stella's birthday party, she wants some cakes and some _____.

(Ở tiệc sinh nhật của Stella, cô ấy muốn ăn bánh ngọt và chút _____.)

Thông tin: At my birthday party, I want some cakes and some lemonade.

(Trong bữa tiệc sinh nhật, tớ muốn có bánh ngọt và nước chanh.)

Đáp án: lemonade

3.

Lời giải chi tiết:

Stella and Hung are _____ years old.

(Stella và Hùng đều _____ tuổi.)

Thông tin:

Hi, I'm Stella. I'm ten years old.)

(Chào, tớ là Stella. Tớ 10 tuổi.)

This is my friend Hung. He's ten years old, too.

(Đây là bạn tớ, Hùng. Cậu ấy cũng 10 tuổi.)

Đáp án: ten/10

4.

Lời giải chi tiết:

At Hung's birthday party, Hung wants some rice, some juice, and some _____.

(Ở tiệc sinh nhật của Hùng, cậu ấy muốn chút cơm, nước ép và _____.)

Thông tin: He's ten years old, too. His birthday is in January. At his birthday party, he wants some chicken, some rice and some juice.

(Đây là bạn tớ, Hùng. Cậu ấy cũng 10 tuổi. Sinh nhật của cậu ấy vào tháng Một. Trong bữa tiệc sinh nhật, cậu ấy muốn có gà, cơm và nước trái cây.)

Đáp án: chicken

5.

Lời giải chi tiết:

Poon is _____ years old.

(Poo _____ tuổi.)

Thông tin: This is my friend Poon. She's nine years old.

(Đây là bạn tớ, Poon. Cô ấy 9 tuổi.)

Đáp án: nine/9

IV. Make correct sentences, using the clues given.

1. he / Bangkok / last summer / ?

Phương pháp giải:

- Nhận định từ từ/cụm từ được đề bài cung cấp sẵn, xác định loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi...)

- Áp dụng các cấu trúc câu, tạo nên những câu đúng và có ý nghĩa.

Lời giải chi tiết:

- Đây là một câu hỏi (có dấu ? cuối câu).

- "Last summer" là một dấu hiệu của thì quá khứ đơn. Nhận thấy đây là một câu hỏi Yes/No ở thì quá khứ đơn với động từ to be, ta có cấu trúc như sau:

Was + chủ ngữ số ít + tân ngữ + trạng từ?

Câu hoàn chỉnh: Was he in Bangkok last summer?

(Mùa hè trước anh ấy đã ở Bangkok đúng không?)

2. How many / building / be / there / your school / ?

Phương pháp giải:

- Nhận định từ từ/cụm từ được đề bài cung cấp sẵn, xác định loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi...)

- Áp dụng các cấu trúc câu, tạo nên những câu đúng và có ý nghĩa.

Lời giải chi tiết:

"How many" là từ dùng để hỏi về số lượng của danh từ đếm được số ít, ta có cấu trúc sau:

How many + danh từ đếm được số nhiều + are there + tân ngữ?

Câu hoàn chỉnh: How many buildings are there in your school?

(Có bao nhiêu tòa nhà trong trường của bạn?)

3. What / you / want / eat / at / the birthday party / ?

Phương pháp giải:

- Nhận định từ từ/cụm từ được đề bài cung cấp sẵn, xác định loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi...)
- Áp dụng các cấu trúc câu, tạo nên những câu đúng và có ý nghĩa.

Lời giải chi tiết:

- Cấu trúc câu hỏi Wh ở thì hiện tại đơn với động từ thường:

Wh + do/does + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

- Cấu trúc nói muốn làm gì: want + to V

Câu hoàn chỉnh: What do you want to eat at the birthday party?

(Bạn muốn ăn gì trong tiệc sinh nhật?)

4. What / day / today / ?

Phương pháp giải:

- Nhận định từ từ/cụm từ được đề bài cung cấp sẵn, xác định loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi...)
- Áp dụng các cấu trúc câu, tạo nên những câu đúng và có ý nghĩa.

Lời giải chi tiết:

- Câu hỏi về một sự thật hiển nhiên, dùng thì hiện tại đơn.

- Đây là một câu hỏi (có dấu ? cuối câu), ta có cấu trúc câu hỏi về thứ ngày ở thì hiện tại đơn:

What da + is + it + today?

Câu hoàn chỉnh: What day is today?

(Hôm nay là thứ mấy?)

5. Where / she / from / ?

Phương pháp giải:

- Nhận định từ từ/cụm từ được đề bài cung cấp sẵn, xác định loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi...)
- Áp dụng các cấu trúc câu, tạo nên những câu đúng và có ý nghĩa.

Lời giải chi tiết:

- Câu hỏi về thông tin cá nhân, dùng thì hiện tại đơn.

- Đây là một câu hỏi (có dấu ? cuối câu), ta có cấu trúc câu hỏi ai đó đến từ đâu:

Where + is + chủ ngữ số ít + from?

Câu hoàn chỉnh: Where is she from?

(Cô ấy đến từ đâu vậy?)

Blank space for writing the answer.